

Bản án số: **10/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 22 - 3 - 2019
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E, TỈNH F

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Phú Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thị AmiNa;
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Tuyết Nhung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh F.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E, tỉnh F tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh F xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 725/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2013 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh A, sinh năm 1978, nơi cư trú: Tổ 2, ấp C, xã D, huyện E, tỉnh F.

- Bị đơn: Anh Phạm Thành B, sinh năm 1974, nơi cư trú: Tổ 2, ấp C, xã D, huyện E, tỉnh F.

Chị A, anh B vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 12 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh A trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh B tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2001 và có đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại UBND thị trấn E, huyện E, tỉnh F. Cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh B từ khi cưới nhau cho đến khi nộp đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn thì không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng cãi nhau và đánh nhau. Nguyên phát sinh các mâu thuẫn là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, luôn bất đồng quan điểm trong chuyện tiền bạc

và cách nuôi dạy con, trong quá trình chung sống vợ chồng vào năm 2015 chị có nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhưng sau đó rút đơn lại để vợ chồng có thêm cơ hội B sống. Tuy nhiên kể từ ngày rút đơn khởi kiện cho đến nay cuộc sống giữa chị và anh B vẫn phát sinh nhiều mâu thuẫn và không thể khắc phục. Do đó chị khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Phạm Thành B.

- Về con B: Chị và anh B chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Nguyễn Trúc Vy, sinh ngày 03/10/2001 và Phạm Nguyễn Trung Hữu, sinh ngày 30/12/2006. Hiện nay các con chung đang sống với anh chị. Nếu ly hôn chị yêu cầu được nuôi hai con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thanh A không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Thành B trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất với trình bày của chị A về việc anh và chị A tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2001 và có đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại UBND thị trấn E, huyện E, tỉnh F. Cuộc sống vợ chồng giữa anh và chị A theo anh cũng hạnh phúc, đôi khi cũng có phát sinh mâu thuẫn nhỏ nhưng vợ chồng vẫn tự hòa giải và chung sống với nhau. Chị A nộp đơn khởi kiện xin ly hôn, anh cũng nhiều lần hàn gắn nhưng không được, nay anh xác định đồng ý ly hôn với chị A do chị A đã cương quyết xin ly hôn với anh. Ý kiến này do anh tự nguyện, không bị ai ép buộc.

- Về con chung: Anh và chị A chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Nguyễn Trúc Vy, sinh ngày 03/10/2001 và Phạm Nguyễn Trung Hữu, sinh ngày 30/12/2006. Hiện nay các con chung đang sống với anh và chị A, nếu ly hôn thì anh đồng ý để chị A nuôi hai con chung và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi cháu 2.000.000 đồng/ tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung thành niên.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Phạm Thành B không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng và tiến hành tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật khi giải quyết, xét xử vụ án.

- Do chị Nguyễn Thị Thanh A và anh Phạm Thành B là nguyên đơn, bị đơn trong vụ án đã có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ vào điểm Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị A và anh B.

- Về việc giải quyết nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Áp dụng Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 146, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh A và anh Phạm Thành B.

+ Về con B: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị A và anh B. Giao cháu Phạm Nguyễn Trúc Vy, sinh ngày 03/10/2001 và Phạm Nguyễn Trung Hữu, sinh ngày 30/12/2006 cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng. Ghi nhận anh B tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung thành niên.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị Thanh A và anh Phạm Thành B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh A và anh Phạm Thành B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng: Do chị Nguyễn Thị Thanh A và anh Phạm Thành B là nguyên đơn, bị đơn trong vụ án đã có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ vào điểm Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị A và anh B.

* Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh A và anh Phạm Thành B tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2001, có đăng ký kết hôn vào năm 2002, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị A thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án chị A và anh B đều thừa nhận trong khoảng thời gian chung sống vợ chồng anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, đã nộp đơn khởi kiện xin ly hôn vào năm 2014 và rút lại đơn khởi kiện nhưng từ năm 2014 cho đến nay anh chị vẫn phát sinh nhiều mâu thuẫn và vẫn chưa được giải quyết, chị A yêu cầu ly hôn anh B cũng đồng ý, ý kiến này do anh tự nguyện và không bị ai ép buộc. Xét thấy việc thuận tình ly hôn của chị A và anh B là tự nguyện, không trái pháp luật nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2] Về con chung: Chị A và anh B thống nhất có 02 con chung là cháu Phạm Nguyễn Trúc Vy, sinh ngày 03/10/2001 và Phạm Nguyễn Trung Hữu, sinh ngày 30/12/2006. Hội đồng xét thấy khi giải quyết vụ án chị A và anh B thống nhất sẽ giao cháu Phạm Nguyễn Trúc Vy và cháu Phạm Nguyễn Trung Hữu cho chị A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng. Anh B tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Vy và cháu Hữu mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu Vy và Hữu thành niên. Ý kiến này do chị A và anh B tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của

cháu Vy và cháu Hữu, đồng thời cũng phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị Thanh A và anh Phạm Thành B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh A, anh Phạm Thành B phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 228, 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh A và anh Phạm Thành B.

2. Về con B: Giao chị Nguyễn Thị Thanh A trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng cháu Phạm Nguyễn Trúc Vy, sinh ngày 03/10/2001 và Phạm Nguyễn Trung Hữu, sinh ngày 30/12/2006. Ghi nhận anh Phạm Thành B tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Nguyễn Trúc Vy và cháu Phạm Nguyễn Trung Hữu mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật ho đến khi các cháu Vy và Hữu thành niên.

Sau khi ly hôn anh Phạm Thành B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Thanh A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Phạm Thành B chưa thi hành xong đối với số tiền trên thì hàng tháng anh Phạm Thành B còn phải trả thêm cho chị Nguyễn Thị Thanh A khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản B; nợ B: Chị Nguyễn Thị Thanh A và anh Phạm Thành B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị A đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0026222 ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, tỉnh F. Chị A đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Phạm Thành B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Nguyễn Thị Thanh A và anh Phạm Thành B biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh F để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh F;
- VKSND tỉnh F;
- VKSND huyện E;
- Chi cục THA DS huyện E;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (S).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Phú Sang